

**CÔNG TY CPDP NAM HÀ**  
*Nam Ha joistock company*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số: 437/BCTN

Nam Định, ngày 9 tháng 4 năm 2019

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2016/TT-BTC on October 06, 2016 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

### **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ**

**Năm báo cáo: 2018**

#### **I. Thông tin chung/ General information**

##### **1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: **0600206147**
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **52.000.000.000 VND**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **0 VND**
- Địa chỉ/ *Address*: 415 đường HànThuyên, Phường Vị Xuyên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Điện thoại/ *Telephone*: 02283.649408      Fax: 02283.636675



- Website: <http://namhapharma.com>

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):

*Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process*

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process*  
(ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*)

Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (NamHa Pharma) được thành lập vào năm 1960 từ tiền thân là Công ty hợp danh Ích Hoa Sinh, với chức năng chính là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu, tinh dầu, dụng cụ, trang thiết bị y tế.....

Gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà đã trở thành một trong những công ty dược phẩm hàng đầu của Việt Nam với đội ngũ cán bộ công nhân viên lên tới hơn 700 người, trong đó là đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ trên đại học và đại học, đội ngũ công nhân tay nghề cao và lành nghề trong công việc. Mạng lưới phân phối của công ty trải rộng trên khắp đất nước Việt Nam với 3 trung tâm phân phối lớn ở 3 miền Bắc: Hà Nội, Trung: Đà Nẵng và Nam: TP Hồ Chí Minh, các sản phẩm của NamHa Pharma đang từng bước chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, nhiều sản phẩm của công ty đã xuất khẩu sang một số nước như Pháp, Papa newghine, Mianma, Nga.... Với phương châm kết hợp giữa y học cổ truyền và công nghệ hiện đại cho đến nay công ty đã sản xuất được trên 200 sản phẩm thuốc tân dược và đông dược được phép lưu hành trên toàn quốc với nhiều dạng bào chế như thuốc nước, thuốc mỡ, thuốc viên nén, viên bao, viên nén sủi, cao đơn hoàn tán.... Để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, tiến tới hội nhập khu vực và quốc tế, công ty đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng để nâng cấp

hệ thống sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP WHO và hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO-9001: 2008.

Với sự phân đầu không ngừng đó, trong những năm qua công ty đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn, công ty luôn hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của năm sau cao hơn năm trước, doanh thu năm 2010 là 598 tỷ đồng, năm 2013 là 867 tỷ đồng thì tới năm 2018 là 1.161 tỷ đồng; nhiều sản phẩm của NamHa Pharma đã đạt huy chương vàng, bạc tại các kỳ hội chợ triển lãm TTKTKT toàn quốc, nhiều năm liên tục được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao (2000-2013), đạt cúp vàng thương hiệu mạnh, được tỉnh, Bộ Y tế tặng bằng khen, cờ đơn vị thi đua xuất sắc, 3 lần được nhà nước tặng huân chương lao động. Hiện nay, với các thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất, Namhapharma đã và đang được Bộ y tế tin tưởng giao nhiệm vụ sản xuất thuốc cho chương trình Quốc gia về y tế như: thuốc tránh thai, thuốc chống lao, thuốc sốt rét....

Với sức mạnh trên cả 3 lĩnh vực: Sản xuất, lưu thông và xuất nhập khẩu, NamHa Pharma đang vững bước trên con đường hội nhập khu vực và quốc tế.

- Các sự kiện khác/*Other events*

Trong năm qua, Công ty CP Dược phẩm Nam Hà tiếp tục được bình chọn danh hiệu Hàng VN chất lượng cao:

1. Hàng Việt Nam chất lượng cao 2019 do người tiêu dùng bình chọn
2. Doanh nghiệp xuất sắc phù hợp với chuẩn mực chỉ số hài lòng khách hàng CSI 2018
3. Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Đất Việt 2018
4. Top 10 doanh nghiệp Dược Việt Nam uy tín
5. Top 100 thương hiệu tin dùng nhất ASIA

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*



- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Sản xuất thuốc (gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác), hoá dược và dược liệu;

+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

+ Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, hội trường và kho bãi

+ Bốc xếp hàng hoá (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);

+ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ (gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);

+ Bán lẻ nguyên phụ liệu, bao bì sản xuất thực phẩm chức năng;

+ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

+ Bán buôn hoá chất (trừ các loại sử dụng trong nông nghiệp), mua bán nguyên phụ liệu, bao bì làm thuốc; bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì sản xuất thực phẩm chức năng;

+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - gồm thuốc tân dược, thuốc đông dược, hoá chất, dược liệu, tinh dầu, vaccin, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, máy móc, trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế);

+ Bán buôn thực phẩm chức năng;

+ Sản xuất thực phẩm chức năng;

+ Sản xuất mỹ phẩm.

+ Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

+ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Nam Định, Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*. Công ty cổ phần

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*. (đính kèm)

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Không có

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm; chấp hành các quy trình sản xuất theo quy định của GMP- WHO, đảm bảo chất lượng khi lưu thông trên thị trường; hợp lý hoá sản xuất để tăng năng xuất lao động.

+ Tăng cường công tác Marketing sản phẩm và thương hiệu công ty trên phạm vi toàn quốc.

+ Xây dựng và duy trì hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng đổi mới, từng bước chuyên nghiệp hoá.

+ Tăng cường hoạt động tài chính, xây dựng các chính sách kinh tế, chính sách lương thưởng rõ ràng theo hiệu quả công việc;

+ Các chi phí: 1.063543977800 đ

+ Thị trường: nội địa

+ Sản phẩm: thuốc, thực phẩm chức năng...

+ Nguồn cung cấp: trong và ngoài nước

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh với KH 2018
1	2	3	4	5	6	7
<b>I</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>					
	Giá trị Tổng SL sản xuất	Tr. đ	579.840	623.000	735.100	118%
	Sản phẩm đạt cấp độ A	%	100	99,5	100	101
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	Tr. đ	986.698	1.080.000	1.161.197	107%
<b>III</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tr. đ	32.485		31.374	
<b>IV</b>	<b>Việc làm - Thu nhập</b>					
	Đủ việc làm cho số Lao động	Người	790			106%
	Thu nhập bình quân tại 415 Hàn Thuyên	trđ/tháng	9.22		10.87	125%
<b>V</b>	<b>Tiến bộ Khoa học kỹ thuật</b>					



	SP được cấp số đăng ký	SP	16			
	SP đưa vào lưu thông	SP	8			
	Về đầu tư thiết bị, nhà xưởng	Tr. đ	28.280	55.000		57%
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr. đ	50.513	35.000	50.657	145%
<b>VII</b>	<b>Cổ tức năm (dự kiến)</b>	%	27%	20%		

## 2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

STT	Danh sách ban điều hành	Họ và tên	Trình độ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Tổng giám đốc	Nguyễn Thanh Dương	Cử nhân kinh tế	413.388	7,95%
2	Các Phó Tổng giám đốc	Bùi Hữu Việt	Dược sỹ	0	0,00%
		Tạ Văn Dũng	Bác sỹ y khoa	211.034	4,06%
		Nguyễn Thị Thanh Bình	Thạc sỹ dược học	620	0,01%
		Dương Bá Huỳnh	Cử nhân kinh tế	1.408	0,03%
		Mai Thuý Hằng	Cử nhân kinh tế	3.688	0,07%
3		Các Giám đốc	Nguyễn Thị Khánh Vân	Kỹ sư kinh tế	17.780
	Dương Thuý Biên		Thạc sỹ kinh tế	339.642	6,53%
	Nguyễn Cao Toàn		Cử nhân kinh tế	10.200	0,20%
	Trần Đức Lâm		Dược sỹ	10.200	0,20%
	Đoàn Ngọc Long		Cử nhân kinh tế	194.320	3,74%
		Nguyễn Ngọc Đăng	Thạc sỹ	21.100	0,41%
	<b>Cộng</b>			<b>1.223.380</b>	<b>23,53%</b>

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*  
(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).

STT	Chức danh	Trước	Sau
1	Phó Tổng giám đốc Thường trực	Dương Thanh Bình	Tạ Văn Dũng
2	Phó Tổng giám đốc Tài chính	Nguyễn Thị Khánh Vân	Mai Thuý Hằng
3	Giám đốc nhân sự	Không có	Nguyễn Thị Khánh Vân
4	Giám đốc sản xuất	Trần Nhật Quang	Bùi Hữu Việt
5	Giám đốc CN Đà Nẵng	Phạm Ngọc Liêu	Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. 790 người

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Công ty trả lương theo vị trí công việc gắn với độ phức tạp của công việc, điều kiện làm việc, tình độ chuyên môn, năng lực thực tế, thời gian làm việc, kết quả hoàn thành công việc. Tiền lương trong công ty luôn đảm bảo đời sống cho người lao động và được điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn; thâm niên công tác để kích thích sự phấn đấu qua quá trình làm việc tại công ty. Công ty có vận dụng trợ cấp khu vực 2 triệu đồng/tháng đối với các lao động tại Hà Nội. Ngoài ra, đối với lao động ở xa, Công ty có hỗ trợ tiền xăng xe, ăn ca...

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is*



necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

- Đầu tư xây dựng Văn phòng Hà Nội : 24.569 trđ
- Đầu tư xây dựng kho Thanh Trì: 3.496 trđ
- Đầu tư xây dựng kho Hòa Xá: 1.629 trđ
- Nhà ăn và nhà để xe công ty: 4.154 trđ
- Mua sắm TSCĐ khác: 3.718 trđ

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*:  
(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/  
(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*): không có

#### 4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

##### a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i></b>	<b>Năm/Year 2017</b>	<b>Năm/Year 2018</b>	<b>% tăng giảm % change</b>
* <i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	492.809.244.815	632.748.668.733	28,40%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	937.330.294.182	1.114.201.370.165	18,87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	49.319.009.099	49.108.224.094	-0,43%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	1.194.465.542	1.549.168.271	29,70%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	50.513.474.641	50.657.392.365	0,28%

Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	38.991.796.162	40.424.087.937	3,67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	26,67%	25,73%	-3,54%
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,30	1,24	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	0,52	0,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	0,60	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	1,50	1,88	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :	0,88	0,90	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	1,90	1,76	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0,04	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,20	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,08	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,05	0,04	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions: (bỏ qua)*

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares,*



number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

STT	Cổ phần đang lưu hành	Tổng số
1	Cổ phiếu phổ thông	5.200.000
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	5.200.000
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

STT	Phân loại	Số lượng	Số CP	Tỷ lệ sở hữu
<b>1</b>	<b>Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu</b>	<b>491</b>		
	Cổ đông lớn	8	2.806.297	53,97%
	Cổ đông nhỏ	483	2.393.703	46,03%
<b>2</b>	<b>Theo tổ chức/cá nhân</b>			
	Cổ đông tổ chức	0	0	0,00%
	Cổ đông cá nhân	491	5.200.000	100,00%
<b>3</b>	<b>Theo trong nước/ngoài nước</b>			
	Cổ đông trong nước	491	5.200.000	100,00%

				%
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
<b>4</b>	<b>Theo cổ đông nhà nước/khác</b>			
	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	491	5.200.000	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.* không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.* Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: 440.474.800.331 VND*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: 0%*

6.2. *Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly: 3.686.362 KW*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước: **Công ty TNHH Một Thành viên KD Nước sạch Nam Định**

Lượng nước sử dụng: 59.679 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*



6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: 0*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment 0 đ*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số lượng lao động: 790 người

Mức thu nhập trung bình đối với người lao động: 10.874.000đ /người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Hàng năm đào tạo cho công nhân về việc chấp hành các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO

+ Cử CBCNV tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *Assessment of operating results and/ The Company's achievements.*

Năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện được một số mảng công việc cụ thể như sau:

- Về khối SX: giao kế hoạch đầu năm là 623 tỷ, nhưng với sự nỗ lực cố gắng của tất cả ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV, có kế hoạch sản xuất hợp lý, kịp thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khối kinh doanh và các đối tác một cách nhanh chóng, chất lượng giá trị hàng nhập kho là 735.1 tỷ đạt 118% so với KH. Khối sản xuất đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu KH theo Nghị quyết ĐHCĐ giao. Thu nhập bình quân của người lao động tại 415 Hàn Thuyên đạt mức tăng trưởng vượt bậc so với năm 2017.

- Về khối kinh doanh, tuy gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh về sản phẩm trên thị trường ngày càng gay gắt, nhưng toàn bộ hệ thống bán hàng, phân phối, marketing, chăm sóc khách hàng đã có rất nhiều cố gắng bám sát thị trường, khách hàng, đẩy mạnh công tác bán hàng, giữ vững và không ngừng tìm kiếm các giải

pháp mở rộng thị trường, tăng doanh số vượt mức KHMT được giao, quản lý và thu hồi công nợ tốt. Các Chi nhánh : Hà Nội, Nam Định, TPHCM triển khai tốt công tác đấu thầu cung ứng thuốc cho hệ thống bảo hiểm trên phạm vi toàn quốc. Năm 2018 khối kinh doanh đã có những thành tích to lớn đóng góp vào thành công chung của công ty.

- Công tác nhân sự, quản lý lao động: Năm 2018 các chính sách, chế độ đối với người lao động vẫn luôn được coi trọng. Thu nhập được đảm bảo, việc khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho tất cả CBCNV luôn được duy trì. Các nhân viên, công nhân sau khi được tuyển dụng chính thức đều được Công ty đóng đầy đủ các khoản BH theo qui định. Các chế độ phúc lợi ngày càng được nâng cao. Năm 2018 công ty tổ chức cho toàn bộ CBCNV đi tham quan nghỉ mát tại Mũi Né-Phan Thiết, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong toàn công ty. Chế độ cho toàn thể CBCNV trong các ngày lễ, Tết được đảm bảo. Duy trì tổ chức sinh nhật tháng cho toàn thể CBCNV, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ.

- Các mảng công tác khác: Trong năm 2018 việc giữ gìn an ninh chính trị nội bộ, an toàn trật tự trong đơn vị vẫn được giữ vững. Các đoàn thể quần chúng như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, ban Nữ công vẫn hoạt động tích cực chăm lo cho đời sống tinh thần của CBCNV. Các mảng công tác xã hội, vì cộng đồng vẫn được duy trì như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ trẻ em tàn tật cơ nhỡ, khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn..., tổ chức và tham gia các hoạt động phong trào, thể dục thể thao. Công ty đã khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân tiêu biểu trong các hoạt động vì cộng đồng. Trong năm 2019 Công ty sẽ tiếp tục duy trì và làm tốt hơn để nâng cao đời sống CBCNV và đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung của toàn xã hội.

## 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.



b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.* : Không có biến động lớn, công nợ luôn nằm trong tầm kiểm soát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

4.1. Tổng giá trị hàng sản xuất : 691 tỷ

4.2. Tổng doanh thu toàn công ty: 1.140 tỷ

4.3. Chất lượng sản phẩm đạt loại A: 99,5%

4.4. Nộp ngân sách theo luật định

4.5. Việc làm - Thu nhập:

- Đảm bảo đủ việc làm cho: 800 lao động.

- Lương bình quân CNSX: 4,6 triệu/ người/tháng

4.6. Đầu tư máy móc, thiết bị, xây dựng:

Dự kiến giải ngân năm 2017 là: 55 tỷ

4.7. Lợi nhuận trước thuế : 20 tỷ đồng

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved): không có*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

Công ty đã cài tạo hệ thống đường cống thoát nước từ những năm 2000, đảm bảo rằng tất cả nước thải khu sản xuất đều được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, Rác thải cũng được thu gom và xử lý theo quy định

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Hàng năm công ty tổ chức thăm hỏi và tài trợ cho các gia đình chính sách, các cháu tàn tật tại địa phương

- Tham gia các chương trình từ thiện tại địa phương

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)***

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Ngoài việc xây dựng định hướng phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, đưa ra các bất cập về sản xuất kinh doanh để Ban TGD xử lý, Hội đồng quản trị còn thực hiện công tác đôn đốc, giám sát thực hiện Nghị quyết HĐQT, các quy chế, quy trình và mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, thông qua các cuộc họp HĐQT và báo cáo tháng.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng mảng công việc khác nhau; trực tiếp tham gia các cuộc họp, định kỳ kiểm tra, giám sát các báo cáo tháng, các biên bản cuộc họp... Năm 2017, HĐQT đã tham gia một số cuộc họp ban Tổng giám đốc mở rộng. Các công việc ban Tổng giám đốc đã triển khai nhằm mang lại lợi nhuận cao cho công ty như:

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện phê duyệt kế hoạch mục tiêu, đề ra các giải pháp để thực hiện của từng bộ phận: Sản xuất, kinh doanh, các chi nhánh ngay từ những ngày đầu tiên của năm.

- Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch chi phí, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phê duyệt các chương trình khuyến mại, quảng cáo đối với các mặt hàng trọng điểm.

- Tiến hành đề xuất bổ nhiệm nhân sự với HĐQT và bổ nhiệm nhân sự phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đấu thầu cạnh tranh để mua dược liệu, bao bì, thiết bị và xây dựng cơ bản...

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Mở rộng việc xây dựng thêm các Chi nhánh tại một số địa bàn trọng điểm về phát triển kinh tế trong cả nước, trước mắt trong Quý 2 sẽ thành lập Chi nhánh tại TP Cần Thơ, tiếp theo là TP Nha Trang tỉnh Khánh Hòa. Mục tiêu trong năm 2019 sẽ mở thêm tất cả 04 Chi nhánh mới.

- Chỉ đạo và giám sát ban TGD hoàn thành việc xây dựng trung tâm nghiên cứu và kiểm soát chất lượng cũng như xây dựng nhà máy SX Thực phẩm Bảo vệ sức khỏe đúng tiến độ để mời Cục QLD về kiểm tra thẩm định và cấp chứng chỉ công nhận GMP – GLP để phục vụ sản xuất .

- Chỉ đạo ban TGD tích cực đẩy nhanh công tác phát triển thị trường, phát triển sản phẩm, đặc biệt là các đối tác nước ngoài đầy tiềm năng tại thị trường Nga và Cu ba.

- Tiếp tục chăm lo đời sống CBCNV, sử dụng quỹ phúc lợi để chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho CBCNV, tạo cơ hội đoàn kết gắn bó của các cá nhân và tập thể trong toàn công ty.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*). bỏ qua





## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CNKT: Nguyễn Thanh Dương**